

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 236 / 2022/ DS-ST.

Ngày: 30 - 6- 2022.

V/v: Tranh chấp “ Hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng góp hụi”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tạ Công Minh**.

Bà **Đặng Thụy Thùy Nga**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-DS ngày 19/01/2022, về tranh chấp “ *Hợp đồng mua bán tài sản Hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị Thanh T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Tuấn Vĩnh T1**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 508 PH, ấp BTA, xã TA, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị T2**, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã DH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh T, có đại diện theo ủy quyền ông Võ Tuấn Vĩnh T1 trình bày:*

Từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2021, chị Trần Thị T2 có đến cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Phương do chị Hồ Thị Thanh T làm chủ để mua vật liệu xây dựng. Tính đến ngày 15/7/2021 chị T2 còn nợ tiền vật liệu xây dựng là 115.809.400đồng.

Ngoài ra chị T2 còn tham gia 02 dây hụi do chị T làm chủ, cụ thể:

+ Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000đ/tháng, khai ngày 15/10/2020, có 15 phần, chị T2 tham gia 01 phần, hốt hụi ở kỳ khai thứ 3 là ngày 15/12/2020 được số tiền là 59.100.000đồng. Sau khi hốt hụi chị T2 đã đóng được 04 kỳ hụi chết thì ngưng, còn nợ lại 08 kỳ hụi chết với số tiền là 40.000.000đồng, dây hụi này đã mãn hụi ngày 15/12/2021.

+ Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000đ/tháng, khai ngày 15/10/2020, có 15 phần, chị T2 tham gia 01 phần, hốt hụi ở kỳ khai thứ 6 là ngày 15/3/2021 được số tiền là 61.200.000đồng. Sau khi hốt hụi chị T2 đã đóng được 01 kỳ hụi chết thì ngưng, còn nợ lại 08 kỳ hụi chết với số tiền là 40.000.000đồng, dây hụi này đã mãn hụi ngày 15/12/2021. Hai dây hụi chị T2 còn nợ chị T 80.000.000đồng.

Tổng số tiền mua vật liệu xây dựng, tiền hụi chị T2 còn nợ chị T là 195.809.400đồng. Ngày 17/12/2021 chị T2 trả cho chị T được 10.000.000đồng, còn nợ lại 185.809.400đồng và có ký xác nhận nợ.

Nay chị Hồ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T2 trả cho chị T số tiền mua vật liệu xây dựng và tiền hụi còn nợ là 185.809.400đồng và tiền lãi của số tiền 185.809.400đồng tính từ ngày 18/12/2021 cho đến ngày xét xử là 06 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 9.253.308đồng, tổng cộng vốn và lãi là 195.062.708đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị T2 trình bày:* Thừa nhận số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ của chị T là 115.809.400đồng và tiền nợ hụi là 80.000.000. Tổng cộng nợ chị T 195.809.400đồng. Đến ngày tổng kết nợ chị đã trả cho chị T 10.000.000đồng, sau đó có trả thêm cho chị T 02 lần là 7.000.000, khi trả không có làm biên nhận hay giấy tờ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản và Hợp đồng góp hụi”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh T yêu cầu chị Trần Thị T2 có nghĩa vụ trả số tiền mua vật liệu xây dựng và tiền hui còn nợ là 185.809.400đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T cung cấp cho Tòa án các chứng cứ là giấy giao hui và hóa đơn tính tiền ngày 15/7/2021. Theo nội dung hóa đơn tính tiền ngày 15/7/2021 thể hiện chị T2 nợ chị T tiền mua vật liệu xây dựng 115.809.400đồng và 80.000.000đồng tiền hui, tổng số tiền nợ là 195.809.400đồng, đã trả 10.000.000đồng, còn nợ 185.809.400đồng, bên dưới có chữ ký xác nhận của chị T2.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T2 vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua vật liệu xây dựng và nghĩa vụ góp hui của hui viên sau khi đã hốt hui cho chị T đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T. Do đó việc chị T khởi kiện yêu cầu chị T2 có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền mua vật liệu xây dựng và tiền hui còn nợ là 185.809.400đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/12/2021 cho đến ngày xét xử là 06 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 9.253.308đồng, tổng cộng vốn và lãi là 195.062.708đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn chị Trần Thị T2 thừa nhận nợ chị T 195.809.400đồng, sau khi tổng kết nợ đã trả 10.000.000đồng, sau đó có trả thêm được 7.000.000đồng. Xét thấy việc chị T2 khai có trả thêm cho chị T 7.000.000đồng, tuy nhiên chị T2 không có chứng cứ gì để chứng minh, chị T không thừa nhận có nhận của chị T 7.000.000đ, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của chị T2.

[3] Về án phí: Bị đơn chị Trần Thị T2 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 471; khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thanh T.

1. Buộc chị Trần Thị T2 có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Thanh T số tiền 195.062.708 đồng (trong đó vốn là 185.809.400đồng, lãi 9.253.308đồng), thực hiện sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày chị Hồ Thị Thanh T có yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị T2 chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị T2 phải chịu 9.753.135đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Hồ Thị Thanh T 4.685.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003893 ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị Hồ Thị Thanh T, chị Trần Thị T2 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn